

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/DS-ST

Ngày: 31/5/2023.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thẩm phán

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Hoài Khanh

2. Bà Hồ Thị Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Hồng, kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2023/TLST- DS ngày 10 tháng 03 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

-Ng đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1950

Địa chỉ: số 317/12 Nguyễn Bình Khiêm, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ng đơn: luật sư Dương Thùy Liên, trung tâm trợ giúp pháp lý Kiên Giang.

-Bị đơn: Ông Phạm Minh H1, sinh năm: 1977

Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1982

Địa chỉ: số 317/15/14 Nguyễn Bình Khiêm, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

*(Bà Ng và ông H1, luật sư Liên có mặt tại phiên tòa,
bà H có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong suốt quá trình tố tụng Ng đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:**

Trước đó, tôi không nhớ ngày cụ thể bà Nguyễn Thanh H mượn tôi số tiền 50.000.000 đồng nhưng không viết biên nhận. Hai tháng sau tôi kêu chồng H là Phạm Minh H1 viết biên nhận nợ tiền cho tôi và H1 nói “Má Năm cho con mượn thêm 10.000.000 đồng”. Cộng hai lần mượn tiền là 60.000.000 đồng và H1 có ký biên nhận nợ ngày 08/10/2017 âm lịch.

Ngày 18/3/2018 tôi có yêu cầu H trả tiền nợ cho tôi. H nói có 01 nền nhà ở đường Tú Xương kêu tôi đưa người đến mua được thì trả tiền nợ gốc và cho tôi tiền café. Nhưng đến ngày 18/5/2019 cô H bán được đất nhưng không trả nợ gốc cho tôi. Tôi tính tiền lãi từ ngày 18/3/2018 đến ngày 18/5/2019 tổng 15 tháng x 3.000.000 đồng = 45.000.000 đồng, tôi trừ tiền hụi chết 6 tháng là 30.000.000 đồng, cô H còn nợ tiền lãi 15.000.000 đồng.

Tháng 6/2019 H đóng 3.000.000 đồng tiền lãi. Tháng 7/2019 H đóng 2.000.000 đồng tiền lãi. Từ tháng 8 đến tháng 12/2019 mỗi tháng đóng 1 triệu, tổng 5 triệu. Đến ngày 8/6/2020 bà H ông H1 có nhờ chị gái đem tiền lại đóng 1 triệu.

Đối với cuốn sổ ông H1 cung cấp thì dòng chữ “*Trả má Năm 30.000 (ba mươi triệu chẵn)*” không phải chữ viết của tôi. Dòng chữ “*12/3/2019 âl H trả vốn 2.000.000 đ hai triệu đồng*” là chữ tôi viết khi đó H có trả vốn 2.000.000 đồng. Thời điểm tôi ghi dòng chữ “*12/3/2019 âl H trả vốn 2.000.000 đ hai triệu đồng*” không có dòng chữ phía trên như trong sổ ông H1 cung cấp. Không có việc H H1 trả nợ gốc 30.000.000 đồng cho tôi như trình bày của H1.

Ngày 18/6/2021 tôi có thưa kiện ra khu phố Lý Thường Kiệt có mời nhưng H và H1 không lên khu phố.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ng có ý kiến: bà Ng yêu cầu ông H1 bà H trả số tiền vốn gốc còn nợ là 58.000.000 đồng và rút yêu cầu tiền lãi 15.000.000 đồng. Do tiền H1 H nợ đã lâu nên bà không trừ số tiền 11 triệu tiền lãi H1 H đã đóng, yêu cầu trả một lần.

* Luật sư Dương Thùy Liên có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng.

- Bị đơn ông Phạm Minh H1 trình bày:

Tôi có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án. Ý kiến của tôi như sau: Năm 2017 tôi có vay của bà Nguyễn Thị Ng (thường gọi là Má Năm) số tiền 60.000.000 đồng có ký biên nhận vào ngày 18/10/2017 âm lịch, lãi suất 5%/tháng. Tôi vay tiền để đầu tư vào ghe nhà để đánh bắt hải sản nhưng làm ăn thua lỗ. Hàng tháng

tôi có đóng lãi cho bà Ng nhưng lâu quá tôi cũng không nhớ rõ mỗi tháng đóng bao nhiêu tiền. Lúc vay thì không hứa ngày trả mà nói là cho vay rồi tôi đóng lời hàng tháng, rồi khi nào có thì trả lại cho bà Ng.

Đến đầu năm 2019 bà Ng đòi nên ngày 12/3/2019 âm lịch vợ tôi là Nguyễn Thanh H có cầm tiền trả cho bà Ng 30.000.000 đồng, số tiền còn lại 30.000.000 đồng thì xin được góp mỗi tháng 2 triệu. Việc trả tiền vợ tôi có ghi vào sổ dòng chữ “*Trả má Năm 30.000 (ba mươi triệu chẵn)*” do vợ tôi ghi; tiếp đó bà Ng có ghi thêm dòng chữ “*12/3/2019 âl H trả vốn 2.000.000 đ hai triệu đồng*”.

Sau khi chốt nợ vốn gốc còn lại 30.000.000 đồng, tôi xin trả dần tiền vốn gốc cho bà Ng. Tôi xác nhận ngày các lần tôi trả dần tiền vốn cho bà Ng cụ thể: Tháng 6/2019 H trả 3.000.000 đồng tiền vốn; Tháng 7/2019 trả 2.000.000 đồng tiền vốn; Từ tháng 8 đến tháng 12/2019 mỗi tháng đóng 1 triệu, tổng 5 triệu tiền vốn. Đến ngày 8/6/2020 tôi có nhờ chị gái đem tiền lại trả 1 triệu. Ngoài ra, không đóng thêm lần nào vì lúc đó hoàn cảnh khó khăn.

Nhưng bà Ng không thừa nhận trả vốn gốc thì tôi chấp nhận số tiền 11 triệu như trình bày trên là tiền đóng lãi. Nay bà Ng khởi kiện tôi số tiền 75 triệu thì tôi không đồng ý trả vì hiện tại tôi chỉ nợ bà Ng số tiền 30.000.000 đồng tôi chỉ chấp nhận trả số tiền này cho bà Ng, còn tiền lãi tôi không đồng ý trả với lý do năm 2019 bà Ng đã đồng ý không tính lãi nữa. Số tiền vay giữa tôi với bà Ng thì vợ là Nguyễn Thanh H có biết.

Tại phiên tòa ông Phạm Minh H1 có ý kiến: Sau khi xem xét trình bày của bà Ng tại phiên tòa và qua động viên của Hội đồng xét xử ông H1 chấp nhận trả bà Ng số tiền nợ gốc 58.000.000 đồng, yêu cầu trả nợ dần mỗi tháng 2 triệu cho đến khi dứt nợ. Không chấp nhận trả tiền nợ lãi 15.000.000 đồng như yêu cầu của bà Ng, không yêu cầu tính lại tiền lãi đã đóng.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thanh H thống nhất theo ý kiến của ông H1 và có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Các đương sự cũng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ng đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng đối với số tiền nợ lãi 15.000.000 đồng do bà Ng rút yêu cầu khởi kiện tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa Ng đơn và bị đơn về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại thành phố Rạch Giá tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo các Điều 26; Điều 35; Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà H có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Ng đơn với bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Đối với yêu cầu của Ng đơn về số tiền nợ vay 58.000.000 đồng, đã được bị đơn thừa nhận tại tòa là ông H1 bà H có vay của bà Ng 02 lần tiền vào năm 2017, tổng cộng số tiền 60.000.000 đồng đã trả gốc được 2.000.000 đồng, còn nợ gốc 58.000.000 đồng. Xét thấy, hai bên đã tự nguyện xác lập giao dịch, nội dung không trái pháp luật nên ông H1 bà H đã nhận tiền bằng giao dịch vay tài sản, thì phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật cho bà Ng theo quy định tại Điều 463; Điều 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu tính lãi của bà Ng, tại phiên tòa bà Ng không yêu cầu tính lãi và rút lại yêu cầu đòi tiền lãi 15.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả nợ dần của bị đơn, Ng đơn không chấp nhận. Xét thấy, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án,

Ông Phạm Minh H1 và bà Nguyễn Thanh H phải nộp án phí là: 58.000.000 đồng x 5% = 2.900.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ng thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí và án phí.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ng đơn bà Nguyễn Thị Ng đối với bị đơn ông Phạm Minh H1 bà Nguyễn Thanh H.

Buộc ông Phạm Minh H1 bà Nguyễn Thanh H trả bà Nguyễn Thị Ng số tiền 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng). Thực hiện khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Kể từ ngày Ng đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm thực hiện trả nợ thì còn phải chịu mức tiền lãi chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả dứt số nợ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng đối với số tiền nợ lãi 15.000.000 đồng do bà Ng rút yêu cầu khởi kiện tại Tòa.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Phạm Minh H1 và bà Nguyễn Thanh H phải nộp án phí là 2.900.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ng thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí và án phí.

* Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa được biết quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31-5-2023). Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày Tòa án tổng đạt Bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
 - *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá;*
 - *Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá;*
 - *Các đương sự ;*
 - *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA